

Vùng Địa Lý, Kinh Tế, Văn Hóa Nam Bộ

Nam Bộ là vùng đất tận cùng ở phía Nam tổ quốc có nhiều đặc trưng độc đáo, nhất là về kinh tế, về văn hóa vật chất, khác hẳn Bắc Bộ và Trung Bộ. Phạm vi vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ qua 300 năm đã thay đổi nhiều lần trong lịch sử hình thành và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau để chỉ những ranh giới hành chính khác nhau qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, tất yếu cũng tạo ra những đặc trưng kinh tế văn hóa khác nhau.

Buổi đầu mới khai phá trong thế kỷ XVII là vùng Mô Xoài (hay Mố Xuy) - Bà Rịa, rồi mở rộng dần xuống Đồng Nai - Bến Nghé, về sau xuống cả Long Hồ, Mỹ Tho, Cửu Long, Hà Tiên...

Địa danh hành chính đầu tiên là Phiên Trấn, Tân Bình đến Gia Định Trấn, Gia Định thành, Gia Định lục tỉnh. Sau khi Pháp chiếm thành Nam Kỳ 9 khu vực (Connedement) và Nam Kỳ 27 sở tham biện (Inspection - 1864) rồi 23 sở (1875). Từ 1899 đến 1914 chính thức gọi là xứ Nam Kỳ thuộc địa, khác với Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ bảo hộ của thực dân Pháp. Nam Kỳ thuộc địa có 13 tỉnh, 3 đặc khu, 4 phân khu, 217 tổng, 1942 xã. Năm 1945, Nam Kỳ giải phóng lại chia thành 22 tỉnh. Chỉ đến thời kỳ kháng chiến chống Pháp từ 1948 trở đi mới xuất hiện địa danh Nam Bộ dùng trong vùng giải phóng.

Từ 1950 đến 1956, Nam Bộ lại chia thành 21 tỉnh. Đến thời Mỹ - ngụy từ năm 1971 trở đi, trở lại tên Nam Kỳ, chia mạnh mún thành 28 tỉnh. Nhưng trong vùng giải phóng vẫn gọi là Nam Bộ, cộng thêm 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận thành vùng B2. Từ 1965 đến 1975, B2 gồm 31 tỉnh. Sau 1975, không còn B2, Nam Bộ trở lại ranh giới thời kháng chiến chống Pháp và những tỉnh nhỏ mạnh mún thời Mỹ ngụy được sát nhập thành 12 tỉnh lớn. Năm 1979 thêm đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Từ những năm 90 trở lại đổi thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tách các tỉnh Hậu Giang, Cửu Long trở lại là Cần Thơ, Sóc Trăng và Vĩnh Long - Trà Vinh.



Cảnh sinh hoạt bên bờ sông
Sỏi Gòn 1980 (thợ cắt tóc cạo râu)

Sự thay đổi tên và các phân tỉnh khác nhau nói trên không phải thuần túy là chỉ vấn đề địa danh và ranh giới hành chính mà còn nói lên thực chất biến đổi về vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ trên 300 năm qua với những đặc trưng về kinh tế hay văn hóa vật chất của vùng, khi thì mở rộng, khi thì thu hẹp, khi thêm, khi bớt, hay khi phát triển tiến lên giữa các tiểu vùng kế cận nhau trong tổng thể toàn vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ với những đặc điểm thiên nhiên và kinh tế văn hóa sinh thái thuận lợi, khó khăn khác nhau.

Toàn vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ hoàn chỉnh nằm trong giới hạn từ $8^{\circ} 35'$ đến $12^{\circ} 22'$ vĩ tuyến Bắc và từ $104^{\circ} 15'$ kinh tuyến đông, có tổng diện tích tự nhiên toàn vùng là 84.600 km^2 . Cả ba phía đông, tây, nam đều giáp biển Đông và vịnh Thái Lan với bờ biển dài hơn 1.000 km biển Nam Bộ thành một bán đảo lớn nằm giữa ngã ba giao lưu về đường biển qua 2 đại dương: Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đường biên giới trên đất liền giáp Lào và Campuchia kéo dài 880 km, đặt vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ vào vị trí ngã ba Đông Dương về đường bộ và trung tâm Đông Nam Á về cả đường biển và đường bộ, tạo nhiều thuận lợi trong quan hệ kinh tế văn hóa của vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ.

Trừ phần trên miền Đông, địa hình vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ hầu như bằng phẳng với châu thổ sông Cửu Long rộng hơn 19.000 km^2 , là một vùng phù sa mới màu mỡ đầy tiềm năng nông nghiệp và ngư nghiệp. Phần phía Nam miền Đông Nam Bộ thực chất cũng là một đồng bằng phù sa cổ, tồn tại dưới dạng bán bình nguyên với địa hình đồi lượn sóng, có độ dốc

dưới 15" chiếm 80% diện tích, cũng là một vùng giàu tiềm năng lâm sản, khoáng sản, thủy hải sản. Chỉ 1/3 diện tích miền Đông Nam Bộ có địa hình hiểm trở, nhưng với văn minh công nghiệp nó sẽ là vùng có nhiều nguồn năng lượng có thể tái sinh về thủy điện và nhiều tài nguyên lâm sản, khoáng sản, cây công nghiệp rất thích hợp cho các ngành công nghiệp hiện đại.

Vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ có cả thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế biển rộng lớn trên 1,3 triệu km², với nhiều ngư trường nổi tiếng có trữ lượng thủy hải sản đứng hàng đầu cả nước. Thềm lục địa Nam Bộ rộng hơn 800.000 km² trong đó 9.000 km² là vùng có tiềm năng cao về dầu mỏ và khí đốt với triển vọng trữ lượng lên đến vài tỷ tấn dầu mỏ và hàng trăm tỷ m³ khí đốt. Trên đất liền có nhiều khoáng sản có trữ lượng lớn như bôxít, bentônít, diatônít, nhiều nguyên liệu làm vật liệu xây dựng gồm sứ như đá vôi, sét, cao lanh, đá ốp, cát thủy tinh, nhiều kim loại màu và kim loại quý như vàng, bạc, thiếc, kẽm, nhiều loại đá quý như saphia (ngọc lam), rubi (ngọc đỏ), zircon, huyền opal, canxedoan... Nguồn nước khoáng và nước nóng có giá trị kinh tế cao cũng rất phong phú, phân bố rải rác ở nhiều nơi. Tiềm năng nguồn nước trong vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ càng rất lớn.

Rừng và đất rừng ở Nam Bộ tuy không bằng miền Bắc, miền Trung, nhưng vẫn có đến 3 triệu ha (chiếm 33,3% diện tích tự nhiên Nam Bộ), có nhiều động vật và thực vật quý là nguồn tài nguyên lâm sản phong phú và có ý nghĩa sinh thái đặc biệt vô cùng quý giá.

Về khí hậu, vùng địa lý kinh tế văn hóa Nam Bộ chịu ảnh hưởng ít nhiều khí hậu xích đạo, có nhiều sắc thái độc đáo, thuận lợi hơn khó khăn. Đặc trưng khí hậu vùng này là có nhiệt lượng bức xạ cao, ổn định và nóng ẩm quanh năm thuận lợi cho cây nông nghiệp.

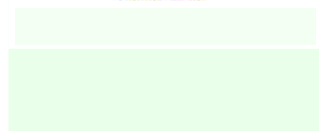
Vùng này hầu như không hề có bão lớn. Từ 1918 đến 1929, chỉ có 7 cơn bão tràn vào đồng bằng sông Cửu Long, 4 cơn tràn qua toàn Nam Bộ trong số 98 cơn bão ở biển Đông. Nhờ lớp rừng nước mặn che chở, các cơn bão này không gây thiệt hại đáng kể. Nhiệt độ trung bình quanh năm của vùng này là ôn hòa 26 - 27 độ, chênh lệch chỉ 3 - 4 độ. Về đêm và sáng trời mát dịu, ngày đêm chênh nhau 7 - 8 độ. Tóm lại, thời tiết vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Về sông ngòi và thủy văn, vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ có 3 hệ thống sông lớn và mạng lưới kênh rạch dày đặc với chế độ thủy triều đặc biệt, tạo ra nền "văn minh miệt vườn Nam Bộ". Chúng vừa là đặc trưng địa lý tự nhiên, vừa là đặc trưng địa lý kinh tế - văn hóa và văn hóa sinh thái do bàn tay con người góp phần tạo dựng.

Thông thường người ta chia vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ ra 2 miền: miền Đông Nam Bộ với hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn - Vàm Cỏ và miền Tây Nam Bộ với hệ thống sông Cửu Long, Giang Thành...

Còn có thể chia Nam Bộ ra thành 4 tiểu địa lý kinh tế - văn hóa cụ thể hơn:



Biển Hòa



1. *Tiểu vùng miền Đông Nam Bộ* (phía trên) là vùng có ưu thế về cây công nghiệp (dài và ngắn ngày) và rừng, nơi cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và dự trữ năng lượng thủy điện to lớn, nơi có nhiều suối nước nóng, nước khoáng, nhiều thác cao đẹp, tiềm năng lớn về du lịch với những cảnh quan và danh lam thắng cảnh ở Đà Lạt, Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai. Đây cũng là quê hương của tài nguyên vàng trắng từ các đồn điền cao su bạt ngàn chỉ mới xuất hiện từ thời thực dân Pháp và đang phát triển ngày càng mạnh mẽ. Đây cũng là vùng có hoa và rau quả xanh tươi 4 mùa Đà Lạt. có nhiều đồi chè và bãi dâu nuôi tằm dệt lụa



Long An

Cây lúa



Tây Ninh



Thủ Dầu Một



Mỹ Tho



Vĩnh Long

Bảo Lộc, nhiều rừng thông đẹp và quý Lâm Đồng...

2. *Tiểu vùng đồng bằng sông Cửu Long* có thể mạnh về phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với công nghiệp chế biến là vừa thóc và kho thực phẩm lớn của cả nước với nhiều đặc trưng độc đáo về kinh tế, về văn hóa vật chất như đã nói trong phần chung ở trên.
3. *Tiểu vùng biển và hải đảo* với diện tích gấp 15 lần diện tích đất liền Nam Bộ, thuận lợi cho giao thông vận tải, rất giàu hải sản, khoáng sản đặc biệt là dầu khí như đã nói ở phần chung. Vùng này giữ một vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và kinh tế biển, kinh tế đối ngoại nói riêng chẳng những của vùng mà của cả nước.
4. *Tiểu vùng thành phố Hồ Chí Minh - khu công nghiệp Biên Hòa và kéo dài đến Long Thành - Bà Rịa Vũng Tàu - Côn Đảo*. Đây là trung tâm đa chức năng với nhiều đặc trưng tổng hợp của toàn vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ với ưu thế là hàng công nghiệp tiêu dùng, hàng xuất nhập khẩu, trung tâm dịch vụ nhiều mặt (theo nghĩa rộng) của toàn vùng Nam Bộ, có những sân bay, hải cảng lớn, các ngành giao thông vận tải, thủy, bộ, không, biển, đều phát triển mạnh. Tiểu vùng này có xu thế phát triển thành một "khu tam giác kinh tế chiến lược" lớn của vùng và cả nước với ba góc là thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai Biên Hòa và Bà Rịa - Vũng Tàu đã được khẳng định và đang quy hoạch xây dựng.

Các tiểu vùng và trung tâm nói trên có mối quan hệ qua lại tạo nên một vùng kinh tế tổng hợp, một đặc trưng nổi bật nhất của vùng địa lý kinh tế - văn hóa Nam Bộ.

Nhiều tài liệu khảo cổ đã chứng minh, ở miền Đông Nam Bộ, vốn là vùng bình nguyên phù sa cổ đã từng tồn tại những nền văn hóa cổ của cư dân bản địa suốt từ thời đại đồ đá trở đi; thời kỳ đồ đồng, đồ sắt càng có nhiều di chỉ quan trọng. Những di tích khảo cổ: núi gôm, cầu Sắt (Đồng Nai), Dốc Chùa (Sông Bé), An Sơn (Long An), Đại Làng, Đa Tê, Cát Tiên (Lâm Đồng), v.v... đã chứng minh rõ chắc chắn có những người nguyên thủy đã từng sinh sống ở những vùng này với những nền văn minh bản địa. Gần đây, cũng có những phát hiện mới ở khu mộ cổ Đại Làng (Lâm Đồng) về 2.200 hiện vật gốm sứ cổ niên đại khoảng thế kỷ XIV, XVI, hay tượng đồng một con trút nặng 3,4 kg ở vùng đồi đất đỏ Long Giao (Đồng Nai), cũng chứng minh thêm những giả thuyết về các vương quốc của các cư dân bản địa đã từng sống ở vùng này trước khi người Việt đến, mặc dù những niên đại của các hiện vật mới phát hiện này cần phải xác minh nghiên cứu kỹ hơn.



Chùa Bà Huỳnh Tân 1880 của cộng đồng người Hẹ ở Gò Vấp

Những tài liệu khảo cổ học này cho phép chúng ta đoán được những cư dân ở miền Đông Nam Bộ từ thế kỷ XVII trở về trước vì trình độ văn minh còn thấp không đủ sức tràn xuống khai thác vùng đồng bằng Nam Bộ nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Còn nền văn hóa Óc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long qua kết quả khai quật gần đây cũng chứng minh rõ thêm đây là một trung



Một cảnh cúng Thần Hoàng

tâm thương mại chứ không phải là "trung tâm nông nghiệp". Tuy có tìm thấy một số vỏ lúa và di tích kênh đào, nhưng chưa đủ cơ sở để chứng minh ở đây đã từng có nền nông nghiệp phát triển. Vỏ lúa có thể là lúa ma, lúa trời hay ở nơi khác nhập đến. Dấu vết kênh đào chỉ là đường giao thông phục vụ thương nghiệp. Vì vậy chúng ta cần suy nghĩ thêm về quan điểm cho rằng nền văn hóa Óc Eo sụp đổ vì "văn minh thương nghiệp" không thể tồn tại nổi trong vùng cảnh quan sinh thái đặc biệt của châu thổ Nam Bộ kỳ quặc đầy bí ẩn hiểm nguy sông nước mênh mông này. Chỉ có trình độ kỹ thuật cao của "văn minh lúa nước" của người Việt mới thích nghi tồn tại và ngày càng phát triển nhanh ở vùng châu thổ sông Cửu Long. Người Việt cũng là con "Rồng" từng quen với sông nước nên cũng thích nghi với đồng bằng sông Cửu Long.

Như vậy, có thể nói, từ thế kỷ thứ XVII trở đi, châu thổ Nam Bộ mới dần dần được chinh phục, mở mang thành đồng ruộng, làng xóm, chợ búa, đô thị, phố phường sầm uất. Nhưng giai đoạn đầu trong thế kỷ XVII, di dân người Việt mới vào lẻ tẻ theo hai hướng: đường biển bằng thuyền buồm và đường bộ vượt núi trèo đèo từ miền Trung vào. Buổi đầu họ chỉ tụ lại và sinh sống ở vùng Mỹ Xuyên - Bà Rịa và Đồng Nai - Bến Nghé. Cuối thế kỷ thứ XVII, mới có đợt di dân khẩn hoang lớn do Nguyễn Hữu Kính đưa vào xây dựng chính quyền trên vùng đất Biên Hòa - Gia Định, lập ra dinh Trấn Biên và dinh Phiên Trấn vào năm 1698. Lúc này dân số ở đây đã lên đến 200.000 người trong 40.000 hộ. Đồng thời cuối thế kỷ XVII cũng có 3 đoàn quan quân nhà Minh ở Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) không chịu khuất phục triều đình Mãn Thanh, đã bỏ chạy trốn sang Việt Nam xin tị nạn. Họ đã được đưa đi khai phá làm ăn ở ba khu vực:

Nhóm Trần Thượng Xuyên trong đoàn 3000 người đến Việt Nam năm 1679 về khai phá vùng Sài Gòn - Bến Nghé. Nhóm Dương Ngạn Địch - Hoàng Tiến vào khai phá vùng Mỹ Tho - Long Hồ và nhóm Mạc Cửu vào Mang Khảm khai phá vùng Hà Tiên từ năm 1680. Cùng với người Việt, người Hoa và người Khmer bản địa, Trịnh Hoài Đức còn cho biết ở đây trong thời gian đầu còn có người phương Tây, người Hồng Mao, người Đồ Bà (Java), v.v... ở lẫn lộn. Tuy có nhiều dân tộc như vậy, nhưng chủ yếu vẫn là người Việt đi khai hoang.

Chính từ trong cuộc sống đầu gian lao thử thách, đã hình thành nên những đức tính cao đẹp trong cộng đồng cư dân ở Nam Bộ. Đó là trọng nghĩa khinh tài, chung thủy trong tình bè bạn, chan hòa cởi mở trong quan hệ láng giềng, rộng rãi hiếu khách, coi trọng lễ công bằng đối nhân xử thế v.v... Những đức tính quý báu này trở thành nét truyền thống cao đẹp mới của dân cư Nam Bộ trong quá trình lịch sử. Đồng thời, qua mỗi thời kỳ, họ lại tiếp thu thêm nhiều luồng văn hóa, càng tăng thêm những đức tính năng động, cởi mở, nhạy bén với cái mới, nhạy bén với thị trường trong kinh doanh, nhanh chóng tiếp thu khoa học kỹ thuật, để sớm hình thành những tập quán mới trong sản xuất kinh doanh ngay từ thời Nguyễn đến thời Pháp, qua thời Mỹ ngày càng mở rộng.



Mùa lúa ngày tết

Nam Bộ từng nổi tiếng là vùng đất rộng, người thưa, phù sa màu mỡ, thiên nhiên ưu đãi, ít khi bị thiếu đói nặng nề như miền Bắc và miền Trung.

Tuy dân số tăng nhanh nhưng mật độ dân số vẫn vào loại thấp nhất trong các vùng đồng bằng châu thổ nước ta, nên yếu tố dân cư lao động càng giữ vai trò quyết định vô cùng quan trọng trong việc khai phá đất hoang ở Nam Bộ. Trong điều kiện lịch sử khai phá với trình độ kỹ thuật thô sơ và lao động thủ công các thế kỷ đã qua, nhưng với trình độ khoa học kỹ thuật ngày nay, điều đó trở nên không cần thiết nữa, trái lại là một trở lực cho sự tăng trưởng kinh tế.

Trong thời kỳ đầu, từ thế kỷ XVII, XVIII và cả thế kỷ XIX, việc tăng dân số ở Nam Bộ là yếu tố tích cực trong việc tăng diện tích canh tác. Càng có đông dân, việc khẩn hoang càng thuận lợi. Buổi đầu, chỉ lẻ tẻ từng đoàn vài trăm, vài ngàn người khai thác vùng Mỹ Xuyên - Bà Rịa. Cuối thế kỷ XVII tăng lên trên 2,3 trăm ngàn người mới đủ khả năng mở rộng dần xuống vùng Biên Hòa

- Đồng Nai - Bến Nghé. Phải thêm lực lượng 3000 quân của người Hoa mới phát triển xuống Mỹ Tho - Long Hồ và 2.000 quân của Mạc Cửu mới mở mang được vùng Hà Tiên, v.v ... Và chỉ 100 năm sau, đến cuối thế kỷ thứ XVIII, số dân Nam Bộ đã tăng gấp đôi lên đến trên dưới 500.000 người. Đầu thế kỷ thứ XIX, dưới triều Gia Long, trong sổ đinh riêng loại đinh tráng lên đến 97.100, mà chắc chắn còn bỏ sót nhiều không khai. Mỗi đinh tương ứng với 4,5 nhân khẩu trong mỗi hộ thì dân số Nam Bộ lúc này có thể đến 100.000 người. Năm 1829 chỉ số đinh vùng Bến Nghé - Gia Định có 118.790 người. Và năm 1847 tăng lên 165.598 người. Mãi đến năm 1867, người Pháp mới thông kê được Nam Kỳ lục tỉnh đã có 1.206.278 người (trong đó kể cả 587 người Pháp).

Như vậy tỷ lệ tăng dân số ở Nam Bộ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX đã gấp hơn 8 lần, từ trên dưới 200.000 lên 1.204.278 người. Đặc biệt trong 100 năm tiếp theo (1875 - 1975), tốc độ này lên đến gấp hơn 10 lần, từ 1.204.278 của những năm 60 - 90 thế kỷ XIX đã lên đến 14.883.700 người vào những năm 70 - 80 thế kỷ XX. Dù dân số tăng nhanh như vậy, nhưng với diện tích 8,5 triệu ha đất tự nhiên và 4 triệu ha đất canh tác, mật độ dân cư của châu thổ Nam Bộ vẫn rất thấp, chỉ bình quân trên dưới 300 người/km², trong những năm 90 này (cao nhất là TPHCM: 1.850 người/km², Tiền Giang 634 người/km², An Giang 369 người/km² vào năm 1990). Vì mật độ dân số thấp nên bình quân ruộng đất trên đầu người Nam Bộ lại cao nhất nước: 1.500 m²/đầu người, và Bắc Bộ chỉ có 560 m²/đầu người.

Bình quân ruộng đất đầu người ở Nam Bộ cao như vậy, nhưng mức sử dụng đất nói chung ở Nam Bộ từ xưa đến nay đều còn thấp so với tiềm năng, do diện tích bị phèn, úng, nhiễm mặn còn rất lớn. Chỉ mới có 4 triệu ha đất đồng bằng châu thổ và ven biển được khai thác thành đất nông nghiệp. Muốn khai thác thêm số đất còn lại trên 4,5 triệu, đòi hỏi phải có thêm nhiều nguồn lực.

(Một số vấn đề về lịch sử kinh tế VN)